



wáng zǐ

王子

Noun · prince; king's son

Example Sentences

tā shì wáng zǐ
他是王子。

He is a prince.

zhè wèi wáng zǐ shēn shòu guó mín de ài dài
这位王子深受国民的爱戴。

This prince is deeply loved by the people.

zhè wèi nián qīng de wáng zǐ zhèng zài xué xí rú hé zhì lǐ guó jiā
这位年轻的王子正在学习如何治理国家。

This young prince is learning how to govern the country.

Trace each character, then write the word on your own.

王	王	王	王	王	王	王													
子	子	子	子	子	子	子													